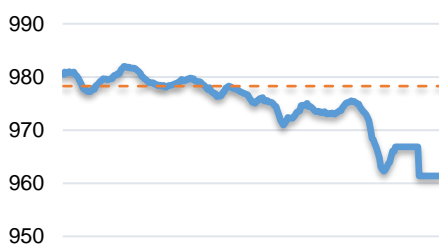


Diễn biến thị trường trong phiên

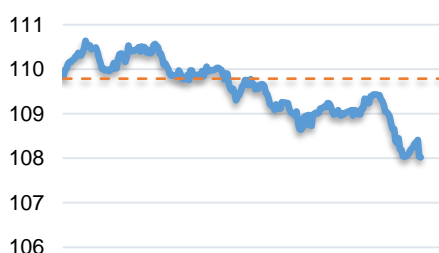
Rating	VNI	HNXI	UPCOM
Điểm	961.4	108.0	51.4
% ngày	-1.73	-1.61	-0.59
% tuần	-0.51	0.33	0.19
% tháng	5.68	5.37	4.29
% năm	24.68	6.64	-5.31
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	3,613.83	509.77	315.06
Hôm qua	4,401.55	837.76	233.22
TB 1 tháng	3,600.44	553.84	219.39
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	307.38	18.29	44.98
Bán	339.39	19.92	36.24
Giá trị ròng	(32.01)	(1.63)	8.74
Độ rộng TT			
Mã Tăng	101	53	58
Mã Giảm	182	91	89
Không Đổi	70	240	587
Chỉ số chính			
P/E	17.3x	10.1x	9.8x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,122	197	865
LS Cổ tức	1.86	2.49	4.04

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch 15/08/2018 khép lại với những diễn biến khá tiêu cực. Áp lực bán tăng vọt trên toàn thị trường đã khiến các chỉ số đồng loạt giảm sâu. Cụ thể, VN-Index đóng cửa giảm 1.73% xuống 961.37 điểm; HNX-Index giảm 1.61% xuống 108.02 điểm và Upcom-Index giảm 0.59% xuống 51.38 điểm. Khối ngoại sau 2 phiên mua ròng liên tiếp đã quay đầu bán ròng với giá trị 25 tỷ đồng.

Hai nhóm dẫn sóng trong giai đoạn vừa qua chịu áp lực chốt lời mạnh ở nhóm cổ phiếu dầu khí PVS, PVD, GAS, PXS, PVB, PVC..., thậm chí PVS và PVD còn giảm sàn và bị "trắng bên mua". Nhóm ngân hàng mặc dù tăng khá tốt trong phần lớn thời gian giao dịch nhưng cũng bị bán mạnh về cuối phiên và hầu hết cổ phiếu đều đảo chiều giảm điểm. Tương tự, các cổ phiếu bất động sản, xây dựng cũng chung tình cảnh khi hầu hết đều giảm.

Chiều ngược lại, SAB và VNM là hai mã hiếm hoi còn duy trì được sắc xanh trong phiên hôm nay, tuy nhiên, mức tăng của hai cổ phiếu này còn yếu nên không đủ giúp thị trường chung tìm hãm lại đà giảm. Thanh khoản của thị trường khá tốt khi giá trị khớp lệnh trên 3 sàn đạt gần 5,400 tỷ đồng. Hôm nay có những mã có giao dịch lớn trong phiên như PVS, CTG, FLC, MBB, HAG...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục điều chỉnh và kiểm định vùng giá 950 – 960 điểm của chỉ số VN-Index. Đồng thời, rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp và chúng tôi đánh giá đây chỉ là nhịp điều chỉnh sau giai đoạn tăng trước đó, đặc biệt các chỉ số chính vẫn đang trong giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực cho nên chúng tôi đánh giá thị trường sẽ nhanh chóng quay lại đà tăng trong vài phiên tới và thị trường sẽ duy trì thanh khoản ở mức cao. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu giảm cho thấy các nhà đầu tư có thể thực hiện tái cơ cấu lại danh mục và vẫn ưu tiên nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và nâng mức cắt lỗ của hệ thống lên mức 953.04 điểm của chỉ số VN-Index và 106.05 điểm của chỉ số HNX-Index. Đồng thời, chỉ số VNFN và VNENE vẫn duy trì ở mức TĂNG xu hướng ngắn hạn cho thấy chúng tôi vẫn đánh giá tích cực ở nhóm cổ phiếu tài chính và dầu khí. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể cơ cấu lại danh mục và tiếp tục nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao trong danh mục.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 56% cổ phiếu/44% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16.70	GIẢM	GIẢM		17.49				20.50		
ACB	37.00	TĂNG	GIẢM	35.60	35.10	3.93%			41.80		
ACV	87.00	TĂNG	GIẢM	84.50	83.36	2.96%			95.72		
BFC	25.90	TĂNG	GIẢM	27.00	24.92	-4.07%			28.97		
BHN	83.00	GIẢM	GIẢM		89.76				111.18		
BID	29.30	TĂNG	GIẢM	25.80	27.87	13.57%			31.14		
BMP	54.00	GIẢM	GIẢM		56.39				63.44		
BSR	17.10	TĂNG	GIẢM	15.80	16.68	8.23%			19.99		
BVH	80.60	TĂNG	GIẢM	78.00	77.59	3.33%			91.06		
BWE	18.55	TĂNG	GIẢM	17.70	17.15	4.80%			19.20		
CEO	12.70	TĂNG	GIẢM	13.40	11.95	-5.22%			15.97		
CHP	22.50	GIẢM	TĂNG	23.50	23.20	-1.27%	BÁN	23.50	21.68	-4.26%	
CSM	13.85	GIẢM	TĂNG		13.98			14.39	12.77	-3.75%	
CTD	153.00	TĂNG	TĂNG	149.50	147.78	2.34%		161.20	128.22	-5.09%	
CTG	25.20	TĂNG	GIẢM	24.00	23.92	5.00%			28.07		
CTI	30.50	TĂNG	GIẢM	30.50	30.16	0.00%	MUA		33.12		
CVT	24.95	TĂNG	GIẢM	25.85	23.93	-3.48%			29.58		
DCM	11.10	TĂNG	GIẢM	11.05	10.87	0.45%			11.62		
DGW	24.40	TĂNG	GIẢM	23.90	23.17	2.09%			26.51		
DHA	27.60	TĂNG	GIẢM	28.00	26.73	-1.43%			28.49		
DHC	39.10	GIẢM	GIẢM		40.57				43.99		
DHG	103.50	TĂNG	TĂNG	107.00	102.04	-3.27%		114.49	95.93	-9.60%	
DPG	41.20	TĂNG	GIẢM	40.90	39.06	0.73%			50.13		
DPM	17.85	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	0.85%			18.72		
DPR	36.60	TĂNG	GIẢM	37.50	36.08	-2.40%			39.13		
DQC	27.00	GIẢM	GIẢM		29.92				34.44		
DRC	23.85	GIẢM	TĂNG		24.49			24.30	19.87	-1.85%	
DXG	27.10	TĂNG	GIẢM	23.75	26.14	14.11%			29.38		
ELC	9.05	GIẢM	GIẢM		9.43				10.93		
FCN	15.30	GIẢM	TĂNG		16.25			17.70	13.88	-13.56%	
FIT	4.11	GIẢM	GIẢM		4.45				5.21		
FMC	21.90	TĂNG	GIẢM	21.20	20.90	3.30%			23.95		
FPT	43.80	TĂNG	GIẢM	42.90	42.15	2.10%			46.52		
GAS	95.00	TĂNG	GIẢM	86.90	94.83	9.32%			103.15		
GIL	46.30	TĂNG	TĂNG	41.65	44.42	11.16%		34.90	40.00	32.66%	
GMD	25.10	TĂNG	GIẢM	25.40	25.09	-1.18%			28.65		
GTN	10.65	GIẢM	TĂNG		12.75			11.20	9.06	-4.91%	
HAG	7.00	TĂNG	TĂNG	5.01	6.75	39.72%		6.19	5.86	13.09%	



We Create Fortune

HAX	15.60	GIẢM	GIẢM		16.19			18.67		
HBC	22.65	TĂNG	GIẢM	22.95	21.33	-1.31%		27.24		
HDB	36.50	TĂNG	GIẢM	35.75	35.11	2.10%		42.35		
HNG	15.00	GIẢM	TĂNG		16.90		8.20	14.10	82.93%	
HPG	37.50	TĂNG	GIẢM	37.20	36.56	0.81%		42.50		
HSG	10.65	GIẢM	GIẢM		11.25			13.38		
HT1	11.95	TĂNG	GIẢM	11.75	11.54	1.70%		12.91		
HUT	5.20	GIẢM	GIẢM		5.48			6.72		
HVN	38.60	TĂNG	GIẢM	33.00	35.41	16.97%		39.08		
ITD	11.85	GIẢM	TĂNG		12.09		12.40	11.14	-4.44%	
KBC	12.20	TĂNG	GIẢM	12.10	11.49	0.83%		13.24		
KDH	29.40	GIẢM	GIẢM		30.47			33.78		
KSB	30.20	TĂNG	GIẢM	29.79	29.05	1.38%		33.01		
LCG	9.66	TĂNG	GIẢM	9.46	9.30	2.11%		10.06		
LDG	13.30	GIẢM	GIẢM		15.21			15.06		
LIX	40.40	GIẢM	GIẢM		41.51			44.73		
LPB	9.40	GIẢM	GIẢM		10.22			12.45		
LSS	6.50	GIẢM	GIẢM		6.96			7.94		
MSN	91.50	TĂNG	TĂNG	79.10	86.45	15.68%		90.22		
MWG	116.00	TĂNG	TĂNG	112.00	110.40	3.57%	121.00	104.78	-4.13%	
NKG	13.60	GIẢM	GIẢM		14.20			17.58		
NLG	29.20	TĂNG	GIẢM	29.80	28.62	-2.01%		31.83		
NT2	26.60	GIẢM	GIẢM		27.47			28.69		
NTL	9.70	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-6.28%	10.45	8.94	-7.18%	
NTP	43.60	GIẢM	GIẢM		45.55			51.18		
PAC	38.60	GIẢM	GIẢM		40.32			42.18		
PC1	24.80	GIẢM	GIẢM		27.85			30.03		
PDR	25.80	GIẢM	GIẢM		26.14			29.57		
PGC	14.30	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-0.35%		15.68		
PHR	24.35	TĂNG	TĂNG	21.90	22.76	11.19%	24.00	23.77	1.46%	MUA
PLX	62.80	TĂNG	GIẢM	60.50	61.57	3.80%		67.88		
PNJ	99.00	TĂNG	GIẢM	90.30	93.45	9.63%		102.31		
POW	13.00	TĂNG	GIẢM	13.00	12.91	0.00%		13.91		
PPC	18.20	TĂNG	GIẢM	18.50	17.71	-1.62%		19.21		
PTB	57.00	GIẢM	TĂNG		59.72		64.00	53.16	-10.94%	
PVD	15.10	TĂNG	GIẢM	13.00	14.93	16.15%	16.35	16.34	-0.08%	MUA
PVI	29.50	TĂNG	GIẢM	29.90	28.37	-1.34%		33.76		
PVS	18.90	TĂNG	GIẢM	17.00	18.87	11.18%	20.90	20.82	-0.40%	MUA
PXS	5.68	TĂNG	GIẢM	5.00	5.62	13.60%	6.19	5.90	-4.61%	MUA
RAL	90.50	TĂNG	GIẢM	91.00	85.59	-0.55%		102.96		
REE	34.45	GIẢM	GIẢM		35.51			34.97		
SAB	211.00	TĂNG	GIẢM	208.00	199.06	1.44%		234.61		
SAM	6.80	GIẢM	GIẢM		7.19			7.59		

We Create Fortune

SBV	28.00	TĂNG	GIẢM	27.00	27.05	3.70%			29.26	
SCR	8.93	GIẢM	GIẢM		9.41				10.30	
SHI	6.05	GIẢM	TĂNG		6.35			6.99	5.88	-13.45%
SJS	20.30	TĂNG	GIẢM	19.70	18.82	3.05%			21.87	
SKG	20.55	TĂNG	GIẢM	20.05	20.18	2.49%			21.27	
SSI	30.00	TĂNG	GIẢM	29.55	29.12	1.52%			34.19	
STB	11.40	TĂNG	GIẢM	11.20	11.04	1.79%			12.71	
SVC	44.20	GIẢM	GIẢM		46.14				49.74	
TCM	19.60	TĂNG	GIẢM	17.80	19.06	10.11%			20.79	
TDH	11.30	GIẢM	GIẢM		12.06				13.89	
TLH	7.39	GIẢM	GIẢM		7.50				8.68	
TMT	7.06	TĂNG	GIẢM	5.61	5.87	25.85%			7.28	
TNG	11.10	TĂNG	GIẢM	10.80	11.09	2.78%			11.90	
TYA	10.80	GIẢM	GIẢM		11.15				12.27	
VCB	60.60	TĂNG	GIẢM	57.50	59.68	5.39%			64.41	
VFG	36.50	GIẢM	TĂNG		38.93			34.39	33.47	6.12%
VGC	17.10	GIẢM	GIẢM		17.82				21.50	
VHM	107.80	GIẢM	TĂNG		111.98					
VIB	28.40	TĂNG	GIẢM	27.60	26.48	2.90%			30.67	
VIC	101.90	GIẢM	TĂNG		108.67			111.50	92.44	-8.61%
VIP	7.10	TĂNG	GIẢM	6.95	6.88	2.16%			7.29	
VJC	149.00	TĂNG	GIẢM	144.50	145.08	3.11%			154.12	
VNM	158.50	GIẢM	GIẢM		160.88				183.51	
VPB	26.50	GIẢM	GIẢM		28.53				33.19	
VRC	21.90	TĂNG	TĂNG	17.75	20.23	23.38%		19.35	16.29	13.18%
VRE	39.80	TĂNG	GIẢM	40.40	39.51	-1.49%			44.98	
VSC	39.80	TĂNG	TĂNG	35.50	38.55	12.11%		35.30	31.95	12.75%
VSH	17.70	TĂNG	TĂNG	17.20	17.49	2.91%		17.40	16.36	1.72%



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)		
	Điểm	Chg%
VNI	961.37	(1.73)
VN30	947.82	(1.84)
VN Mid	993.41	(1.38)
VN Small	800.54	(0.60)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	307.38	
Bán	339.39	
GT rỗng	(32.01)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TTF	200	7.0%
HAX	700	4.7%
CSV	1,500	4.2%
DLG	80	3.1%
SBT	500	3.0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
GTN	(800)	-7.0%
PVD	(1,100)	-6.8%
OGC	(140)	-6.2%
GAS	(6,200)	-6.1%
GEX	(2,050)	-5.7%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	325,226	
VHM	288,862	
VNM	230,023	
VCB	218,025	
GAS	181,825	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
FLC	11.31	14.35
HAG	10.77	12.46
CTG	9.77	5.34
GTN	6.71	2.53
PVD	6.51	2.23

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)		
	Điểm	Chg%
HNI	108.02	(1.61)
HN30	192.01	(2.75)
VNX AllSh	1,354.92	(1.62)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	18.29	
Bán	19.92	
GT rỗng	(1.63)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	500	1.5%
VCS	(300)	-0.4%
VC3	(100)	-0.5%
PVI	(200)	-0.7%
TNG	(100)	-0.9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PVS	(2,100)	-10.0%
SHS	(700)	-4.6%
VCG	(600)	-3.3%
DGL	(1,200)	-3.2%
CEO	(400)	-3.1%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	40,126	
VCS	13,360	
SHB	10,106	
PVS	8,443	
VCG	7,774	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
PVS	15.98	5.43
SHB	7.32	6.27
ACB	6.05	4.92
KLF	3.71	2.57
NVB	1.95	0.84

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%
UPCoM	51.38	(0.59)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	44.98	
Bán	36.24	
GT rỗng	8.74	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VAV	10,500	15.0%
VCP	2,500	7.7%
MKP	2,000	2.8%
VGT	200	2.2%
LTG	800	2.0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
OIL	(800)	-5.3%
BSR	(600)	-3.4%
MSR	(900)	-3.3%
LPB	(300)	-3.1%
POW	(400)	-3.0%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	189,410	
BSR	53,019	
MCH	52,560	
HVN	48,234	
GVR	32,400	

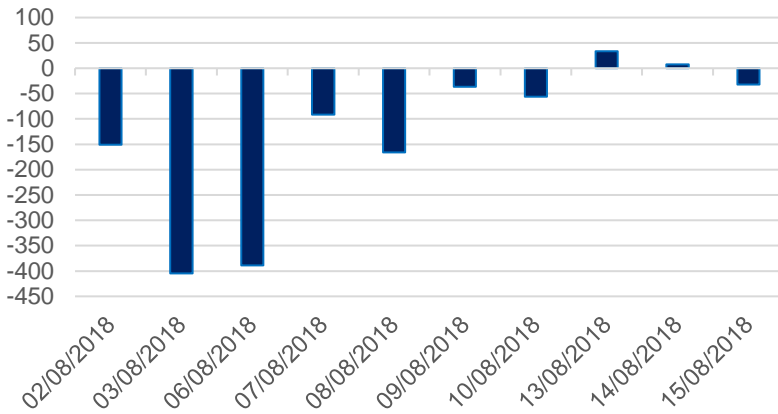
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SVH	7.98	0.27
LPB	2.38	2.22
BSR	2.35	1.72
POW	1.17	1.34
OIL	1.05	0.69

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

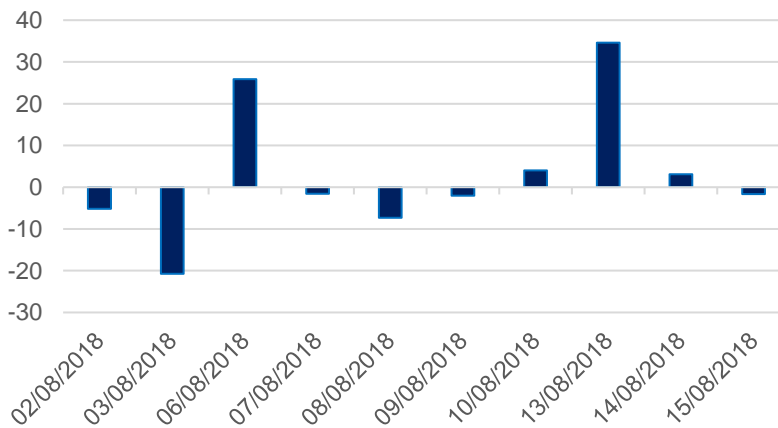
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
MSN	28,759	VHM	(24,686)
VJC	13,752	VIC	(19,812)
VND	7,483	NVL	(14,854)
VRE	4,562	GAS	(12,725)
PLX	4,329	VCB	(8,686)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

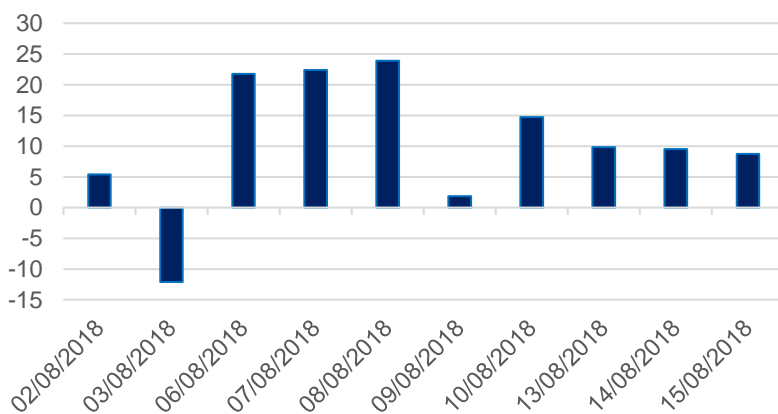
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
DGC	1,643	HDA	(2,040)
SHB	354	VCG	(1,229)
KLF	240	VGC	(650)
SHS	178	RCL	(600)
TNG	123	VCS	(160)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VEA	22,511	ACV	(11,940)
QNS	9,361	BSR	(8,456)
LTG	1,739	GVR	(1,804)
MCH	168	LPB	(1,641)
SDI	116	HVN	(999)

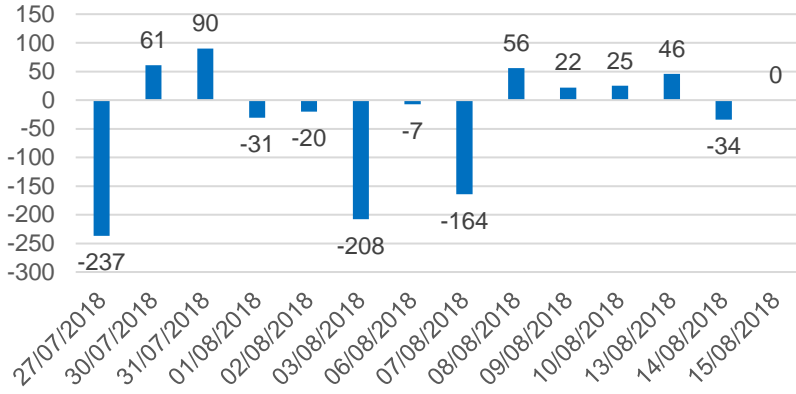
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

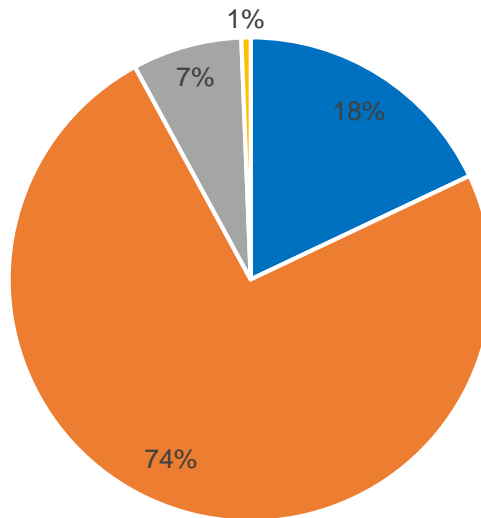


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VND)
HPG	12,753	HPG	11,750
MSN	3,829	PNJ	9,074
SVI	2,491	MWG	6,665
VIC	2,205	VPB	4,594
TCM	1,706	VNM	3,215

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



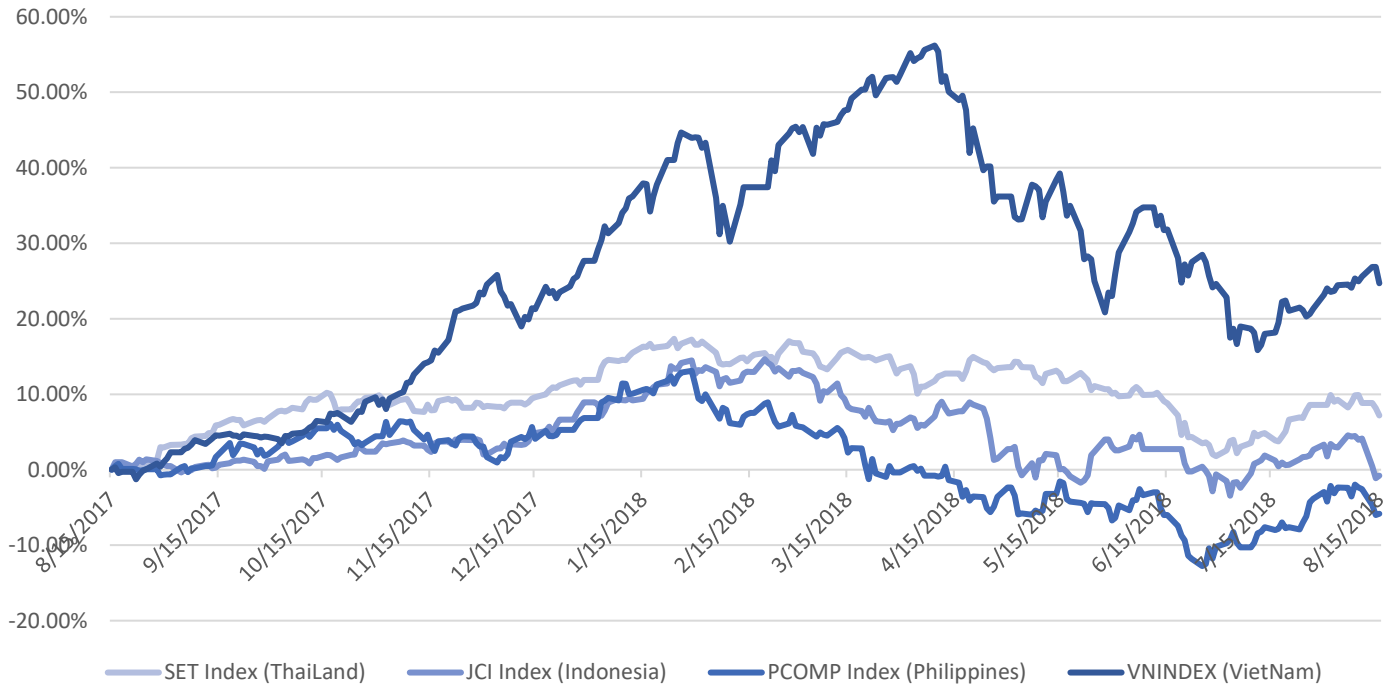
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

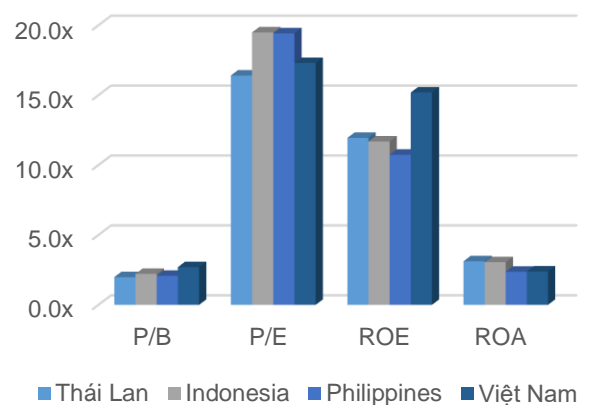
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	2.1x	2.7x
P/E		16.4x	19.5x	19.4x	17.3x
ROE	%	11.94	11.69	10.74	15.19
ROA	%	3.12	3.05	2.37	2.39
Vốn hóa	Tỷ USD	512.89	447.04	175.32	133.93
GTGD	Triệu USD	1.48	0.48	0.06	0.16
LS cổ tức	%	3.08	2.35	1.66	1.86

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written